

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI TỪ KHI LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 CÓ HIỆU LỰC

Nguyễn Khánh Vân*

TÓM TẮT

Quyền tự do kinh doanh được thể hiện trong Hiến pháp đã mở ra nhiều cơ hội cho các cá nhân, các tổ chức doanh nghiệp. Hiện nay, các chủ thể được kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Trong đó chủ thể doanh nghiệp đang được quan tâm nhiều hơn bởi tính ưu việt của nó. Luật doanh nghiệp 2014 ra đời với nhiều điểm mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh doanh. Luật Doanh nghiệp 2014 hướng tới sự phù hợp với thực tế kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp và tháo gỡ nhiều khó khăn, hạn chế góp phần tạo điều kiện mở ra một môi trường kinh doanh thuận lợi phù hợp với xu hướng chung của thế giới. Bên cạnh những cơ hội dành cho doanh nghiệp thì nó cũng tạo ra những thách thức nhất định. Bài viết phân tích, chỉ ra những cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, thực hiện quyền tự do kinh doanh.

Từ khóa: cơ hội, thách thức, doanh nghiệp Việt Nam, luật doanh nghiệp 2014

OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAMESE ENTERPRISES IN THE NEW BACKGROUND WHEN ENTERPRISE LAW IN 2014 EFFECTIVE

ABSTRACT

The right to freedom of business expressed in the Constitution has opened up many opportunities for individuals and organizations. Currently, entities are allowed to do business in sectors and trades not prohibited by law. In which business subjects are more concerned by its superiority. Enterprise Law in 2014 was born with many new points, creating favorable conditions for business entities. The 2014 Enterprise Law aims to be consistent with the current business reality of enterprises and solve many difficulties and limitations, contributing to creating a favorable business environment in accordance with the general trend of the world. Besides the opportunities for businesses, it also creates certain challenges. The article analyzes and points out opportunities and challenges for Vietnamese businesses; Since then, proposed some solutions to help businesses seize opportunities, overcome challenges, and exercise business freedom.

Key words: opportunities, challenges, Vietnamese businesses, business law in 2014.

* TS. GV. Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

1. GIỚI THIỆU

Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực đã đem lại làn không khí mới với nhiều lợi thế cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam.

Một là, về thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp 2014 đã giảm thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp còn 3 ngày làm việc (luật cũ quy định 5 ngày làm việc) được thể hiện tại Điều 27. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp: "1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật này cho Cơ quan đăng ký kinh doanh. 2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ..." Điều này tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhanh chóng làm xong thủ tục để sớm bắt tay vào kinh doanh. Luật Doanh nghiệp 2014 với mục tiêu đưa doanh nghiệp trở thành công cụ kinh doanh rẻ hơn và an toàn hơn nhằm hấp dẫn nhà đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư và huy động tốt mọi nguồn lực và vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Chính vì vậy qui định mới này làm giảm sự e ngại, khó chịu của chủ đầu tư trong việc đi làm thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan nhà nước trước đây, tạo tâm lý thoải mái khi tiếp xúc và giao tiếp giữa các chủ thể này.

Hai là, về việc bỏ yêu cầu về các điều kiện kinh doanh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là hoàn toàn phù hợp. Theo đó, tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp không phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh

nh nghiệp được phép kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi đáp ứng được các yêu cầu về điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Ba là, về nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp 2014 đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi quy định giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh không có nội dung ghi ngành nghề kinh doanh; thể hiện tại Điều 29. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1. Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp. 2. Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp. 3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn. 4. Vốn điều lệ. Về các ngành nghề kinh doanh mà doanh nghiệp đăng ký sẽ được lưu trữ trên hệ thống thông tin điện tử về doanh nghiệp. Như vậy, trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ không có nội dung ngành, nghề kinh doanh kinh doanh và danh sách cổ đông sáng lập (đối với Công ty cổ phần). Điều này dẫn đến việc khi thay đổi ngành, nghề kinh doanh; thay đổi cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp chỉ phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh để được bổ sung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới như hiện nay (Điều 32 Luật Doanh nghiệp năm 2014). Mỗi khi Doanh nghiệp thay đổi, bổ sung ngành

ngành kinh doanh; thay đổi cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, sẽ không mất thời gian và thủ tục để chờ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Điều quan trọng hơn cả là việc bỏ ghi ngành nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bỏ việc xác định vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề ... Điều này đã hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh tất cả ngành nghề mà pháp luật không cấm theo quy định tại Hiến pháp, làm cho doanh nghiệp trở thành công cụ kinh doanh thực sự an toàn và rẻ hơn... Theo quy định tại Điều 33 Luật Doanh nghiệp: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc khi thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải công bố công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đây là điểm mới trong lần sửa đổi này. Bởi theo quy định hiện nay, doanh nghiệp được lựa chọn phương thức công bố như đăng trên mạng thông tin doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc một trong các loại tờ báo viết hoặc báo điện tử trong 3 số liên tiếp.

Bốn là, về điều kiện vốn góp: Vốn điều lệ có thể là vốn cam kết góp (vốn ảo) theo khoản 29 điều 4 luật doanh nghiệp 2014: “Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần”. Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định rút ngắn thời hạn góp vốn đối với chủ sở hữu, thành viên công ty TNHH phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong khi quy định hiện hành về thời hạn góp vốn tối đa đối với Công ty TNHH một thành viên và hai thành viên trở lên là 36 tháng. Điều đó thể hiện tại Khoản 2 Điều 48. “2. Thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký

thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thành viên công ty chỉ được góp vốn phần vốn góp cho công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số thành viên còn lại. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp như đã cam kết góp...”

Đồng thời luật mới cho phép công ty TNHH một thành viên, công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên nếu không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp thì được quyền đăng ký điều chỉnh giảm vốn bằng giá trị số vốn thực góp, thể hiện tại khoản 4 điều 48 luật doanh nghiệp 2014: “4. Trường hợp có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, công ty phải đăng ký điều chỉnh, vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp vốn đủ phần vốn góp theo khoản 2 Điều này. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên.”

Năm là, về qui định con dấu của doanh nghiệp: Theo Điều 44 Luật Doanh nghiệp năm 2014: Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu doanh nghiệp. Và trước khi sử dụng con dấu, doanh nghiệp có nghĩa vụ sử dụng con dấu với Cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Như vậy, đây là cách tiếp cận mới hoàn toàn về con dấu doanh nghiệp, dù chưa thể bỏ hoàn toàn việc sử dụng con dấu nhưng đã có bước cải cách lớn. Trước đây việc cấp, sử dụng con dấu của doanh nghiệp do Bộ Công an quy định thì nay theo Luật Doanh nghiệp 2014,

doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Thay vì phải đăng ký với cơ quan Công an như hiện nay, Doanh nghiệp chỉ cần thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Quy định này giúp doanh nghiệp đỡ phiền hà, tốn kém về chi phí, thời gian. Theo xu hướng phát triển phương thức giao dịch điện tử, thì việc dùng con dấu sẽ không còn ý nghĩa nữa. Vì vậy, việc cải cách về con dấu là hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của thế giới. Hiện nay, con dấu doanh nghiệp còn bị ràng buộc bởi nhiều quy định về giao dịch trong một số bộ luật, nếu bỏ hoàn toàn sẽ phát sinh số lượng công việc rất lớn và có thể chưa đảm bảo chặt chẽ trong quản lý.

Sáu là, về doanh nghiệp xã hội: Đây là một khái niệm mới được quy định cụ thể tại Điều 10 Luật Doanh nghiệp năm 2014: Tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội: 1. Doanh nghiệp xã hội phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật này; b) Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; c) Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký. 2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Luật này, doanh nghiệp xã hội có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Duy trì mục tiêu và điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này trong suốt quá trình hoạt động; trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động muốn chuyển thành doanh nghiệp xã hội hoặc doanh nghiệp xã hội muốn từ bỏ mục tiêu xã hội, môi trường, không sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư thì doanh nghiệp phải thông báo với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật; b) Chủ sở hữu doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp xã hội được xem xét, tạo thuận lợi

và hỗ trợ trong việc cấp giấy phép, chứng chỉ và giấy chứng nhận có liên quan theo quy định của pháp luật; c) Được huy động và nhận tài trợ dưới các hình thức khác nhau từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác của Việt Nam và nước ngoài để bù đắp chi phí quản lý và chi phí hoạt động của doanh nghiệp; d) Không được sử dụng các khoản tài trợ huy động được cho mục đích khác ngoài bù đắp chi phí quản lý và chi phí hoạt động để giải quyết vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã đăng ký; d) Trường hợp được nhận các ưu đãi, hỗ trợ, doanh nghiệp xã hội phải định kỳ hằng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động của doanh nghiệp. 3. Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp xã hội. Doanh nghiệp xã hội phân biệt với các doanh nghiệp thông thường ở mục tiêu hoạt động và mục đích việc sử dụng lợi nhuận của doanh nghiệp, đồng thời có những điểm đặc thù về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội. Việc một doanh nghiệp thông thường có những hoạt động xã hội như đi làm từ thiện với mục đích nhân văn vì lợi ích cộng đồng đã xuất hiện rất nhiều trong thực tế, đó là sự tự nguyện tự giác vì cái tâm, có thể làm hoặc không làm, không có sự bắt buộc. Nó khác với một doanh nghiệp xã hội ở chỗ doanh nghiệp xã hội phải đăng kí sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường, mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng. Khi đã đăng kí để trở thành doanh nghiệp xã hội thì đó là nghĩa vụ phải thực hiện. Ngoài ra thì doanh nghiệp xã hội cũng sẽ được hưởng một số quyền lợi hơn doanh nghiệp thông thường như: Được huy động và nhận tài trợ dưới các hình thức khác nhau từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác của Việt Nam và nước ngoài để bù đắp chi phí quản lý và chi phí hoạt động của doanh nghiệp; Chủ sở hữu doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp xã hội được

xem xét, tạo thuận lợi và hỗ trợ trong việc cấp giấy phép, chứng chỉ và giấy chứng nhận có liên quan theo quy định của pháp luật...

Bây là, vấn đề người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Theo Luật Doanh nghiệp mới, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Công ty hoàn toàn có thể tự quyết định, chỉ định một người đại diện theo pháp luật, thể hiện tại Điều 13. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: "1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật." Tại khoản 2 của điều này qui định cho phép: Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Người đại diện theo pháp luật cho doanh nghiệp được ví như cây nêu của doanh nghiệp là cơ chế pháp lý quan trọng đối với doanh nghiệp. Thông qua người đại diện theo pháp luật để xác định tư cách hợp pháp của người thay mặt doanh nghiệp trong các giao dịch kinh tế, dân sự. Luật mới qui định công ty có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật nhằm tạo sự chủ động thuận lợi cho công ty trong quá trình hoạt động

Những điều nêu trên cho thấy một số cơ hội mà doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới có được từ khi luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực, tuy nhiên, bên cạnh cơ hội vẫn luôn ẩn chứa những thách thức, bởi lẽ, cùng một vấn đề đều

có tính hai mặt: ở góc độ này thì nó là lợi thế nhưng nhìn ở góc độ khác nó lại có điểm yếu.

2. MỘT SỐ THÁCH THỨC MÀ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM SẼ GẶP PHẢI TỪ KHI LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 CÓ HIỆU LỰC

Trong công cuộc đổi mới đất nước, đòi hỏi các qui định pháp luật cũng phải thay đổi để phù hợp với thực tế, ở lĩnh vực doanh nghiệp cũng vậy, cần một văn bản pháp luật ra đời bắt kịp với xu thế thời đại. Luật doanh nghiệp 2014 xuất hiện đúng lúc mang lại các lợi thế cho doanh nghiệp Việt Nam, song nhìn nhận một cách khách quan vì sự phát triển thì cũng thấy vướng mắc một vài điểm hạn chế, đó là:

Về vấn đề khối lượng công việc tăng gây sức ép cho cán bộ đăng kí doanh nghiệp, và câu hỏi đặt ra về chất lượng sẽ như thế nào: sự cởi mở thông thoáng trong qui định của pháp luật doanh nghiệp cụ thể là trình tự thủ tục đăng kí doanh nghiệp khiến số lượng hồ sơ đăng kí doanh nghiệp tăng đột biến (khối lượng công việc tăng 40% - kết quả đánh giá sau 1 năm luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực), sự thiếu hụt nguồn lực chỉ là một phần trong những áp lực mà cán bộ đăng ký kinh doanh phải vượt qua. Tuy vậy, từ một khía cạnh khác, số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng cao chưa nói lên chất lượng hoạt động và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trên thị trường. Môi trường kinh doanh đang ngày càng trở nên cạnh tranh như một xu thế toàn cầu tất yếu. Các cơ hội kinh doanh liên tục xuất hiện nhưng cũng sẽ thay đổi, chuyển biến không ngừng, tạo nên những thách thức, yêu cầu cao về khả năng thích ứng, linh hoạt, năng lực đổi mới, cải tiến nội tại của mỗi doanh nghiệp. Đây cũng là đòi hỏi mà Luật và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan phải ngày càng hoàn thiện hơn để phù hợp với thực tiễn.

Về đăng ký doanh nghiệp: Thống nhất thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp, không phân biệt loại hoạt động kinh

doanh, nhà đầu tư. Trên thực tế, một số hoạt động kinh doanh như chứng khoán, bảo hiểm, giám định tư pháp, luật sư, công chứng... hoạt động dưới các hình thức doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp nhưng lại thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định riêng và tại cơ quan khác, dẫn đến các vấn đề: thông tin doanh nghiệp bị phân tán, hệ thống quản lý riêng, một số cải cách của Luật Doanh nghiệp không áp dụng được (chẳng hạn như cải cách về con dấu). Tại Điều 3 Luật Doanh nghiệp năm 2014 có quy định về Áp dụng Luật doanh nghiệp và các luật chuyên ngành, mà theo đó: “Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó.”. Nhưng hiện nay, hoạt động luật sư, công chứng, giám định, giáo dục và đào tạo, trọng tài thương mại,... cũng đã được xác định rõ là các ngành, nghề đầu tư kinh doanh theo Luật Đầu tư năm 2014. Tuy nhiên các ngành, nghề này lại không được đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh, mà chỉ được thực hiện việc cấp giấy phép và đăng ký hoạt động riêng theo Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012); Luật Công chứng năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật Giám định tư pháp năm 2012, Luật Giáo dục đại học năm 2012; Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Luật Trọng tài thương mại năm 2010;... Hậu quả là nhiều tổ chức hành nghề luật sư, như công ty luật và pháp nhân khác hoạt động như một doanh nghiệp, nhưng lại hoàn toàn không có thông tin trên “Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” theo quy định tại khoản 6 Điều 4 về Giải thích từ ngữ của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Tương tự, ngân hàng thương mại, công ty tài chính thì đăng ký doanh nghiệp như các doanh nghiệp khác, trong khi Công ty bảo hiểm, là một doanh nghiệp điển hình, thì lại không thực hiện thủ tục này. Vì theo Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), quy

định: “Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.” Trong khi đó, hộ kinh doanh hay hợp tác xã, tuy không được xác định là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 hay Luật Hợp tác xã năm 2012, nhưng vẫn thực hiện việc đăng ký kinh doanh như đối với doanh nghiệp. Do vậy, nên xem xét quy định này theo hướng yêu cầu thống nhất đăng ký kinh doanh tập trung đối với tất cả các công ty và pháp nhân có hoạt động kinh doanh.

Về người đại diện theo pháp luật: Công ty có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật nhằm tạo sự chủ động, thuận lợi trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên điều này cũng dẫn đến nhiều rủi ro cho công ty vì phải kiểm soát nhiều người có thẩm quyền giao dịch để bảo đảm thực hiện đúng thẩm quyền tránh sự chông chéo, mâu thuẫn phức tạp bên trong và khiếu kiện từ bên ngoài công ty. Quy định rõ việc doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước bên thứ ba trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều hơn 1 người đại diện theo pháp luật và lạm quyền khi thiết lập giao dịch. Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014 có quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, như sau: “Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.” Thiết nghĩ, công ty có thể tìm cách trốn tránh trách nhiệm trong các trường hợp bất lợi. Đồng thời gây khó khăn và rủi ro rất lớn cho đối tác giao dịch với công ty, vì không phải lúc nào cũng tiếp cận được Điều lệ và không bảo đảm việc xác định được chính xác nội dung phân quyền cũng như bản Điều lệ nào có hiệu lực thật sự.

Xuất từ cơ hội và thách thức như đã nêu trên, để doanh nghiệp Việt Nam nắm bắt cơ hội và vượt qua thách thức, xin đề xuất một số giải pháp như sau:

• Về phía cơ quan nhà nước:

- Cần tăng cường công tác “hậu kiểm” để kiểm soát chất lượng của doanh nghiệp, tránh tình trạng số lượng nhiều nhưng chất lượng lại chưa cao.

- Cần nghiên cứu xây dựng “bộ chỉ số” đánh giá đầy đủ, hiệu quả về việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp có chỉ số yếu kém, chậm phát triển. Trên cơ sở đó, cải thiện chất lượng phát triển doanh nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, đáp ứng được xu hướng hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện khung khổ chính sách, hành lang pháp lý tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

- Cần nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp thông qua công tác đào tạo, phổ biến, tuyên truyền.

- Đề nghị xem xét quy định này của Luật Doanh nghiệp năm 2014 hoặc Luật Đầu tư năm 2014 theo hướng yêu cầu thống nhất đăng ký kinh doanh tập trung đối với tất cả các công ty và pháp nhân có hoạt động kinh doanh.

• Về phía doanh nghiệp:

- Cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, cạnh tranh lành mạnh trên thương trường.

Tận dụng cơ hội, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phát triển, chủ động trang bị kiến thức, tìm hiểu sâu các quy định pháp luật hiện hành cả trong và ngoài nước trong bối cảnh kinh tế quốc tế.

- Cần phát huy nội lực tranh thủ ngoại lực, tăng sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam

3. KẾT LUẬN

Việc triển khai thi hành Luật doanh nghiệp mới, góp phần tạo nên một môi trường kinh doanh năng động, linh hoạt, cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Bên cạnh đó cũng tạo ra nhiều thách thức cần thực hiện để dần hoàn thiện hơn nữa khuôn khổ pháp lý đối với việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, không chỉ tăng về số lượng mà còn phải nâng cao chất lượng để có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Luật doanh nghiệp 2014
- [2]. Luật doanh nghiệp 2005
- [3]. Số: 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp
- [4]. <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/>
- [5]. <http://www.doisongphapluat.com/phap-luat/van-ban-phap-luat/luat-doanh-nghiep-2014-va-nhung-dieu-ban-nen-biet-a93001.html>
- [6]. <http://www.vnep.org.vn/vi-VN/Diem-nong/Ba-dot-pha-trong-chien-luoc-phat-trien/Nhung-cai-cach-the-che-tao-nen-su-khac-biet-cua-nam-2014.html>
- [7]. Luận giải về luật doanh nghiệp 2014, nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật, 2016
- [8]. <http://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2066>
- [9]. <http://tinnhanhchungkhoan.vn/dau-tu/doanh-nghiep-gap-kho-trong-thuc-thi-luat-doanh-nghiep-163443.html>